

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 517/2023/DSPT

Ngày: 26/12/2023

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Minh Trang**

Các Thẩm phán: Bà **Phan Thị Hồng Dung**

Ông Nguyễn Văn Hải

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Lê Văn Ban** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:* Bà **Đỗ Thị Hồng Nhi** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 337/2023/TLPT- DS ngày 11 tháng 10 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 122/2023/DS-ST ngày 03 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 41/2023/QĐ-PT ngày 25 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng N**

Trụ sở chính: Số B, L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền bà **Diệp Thị Mỹ T.** Văn bản ủy quyền ngày 04/01/2023.

Địa chỉ: Số H, đường N, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ. (*có mặt*)

Bị đơn: 1. Ông **Đặng Minh T1**, sinh năm 1985

2. Bà **Nguyễn Thị Thúy H**, sinh năm 1990

Cùng địa chỉ: Số C, tổ D, Ngõ Gia T2, khu V, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ. (*vắng mặt*)

Người đại diện theo ủy quyền của ông T1, bà H: bà **Nguyễn Thị Diễm T3**,

sinh năm: 1988; bà **Trần Thị Mỹ T4**, sinh năm: 1999; bà **Phạm Thị Huyền L**, sinh năm: 1996. (Văn bản ủy quyền ngày 21/11/2023). (Bà T4 có mặt; bà T3, bà L vắng mặt)

Địa chỉ liên hệ: Số B V, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Trần Thị Diệu P**, sinh năm 1963

2. Ông **Nguyễn Văn O**, sinh năm 1962

Cùng địa chỉ: khóm T, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt)

Người kháng cáo: ***Bị đơn ông Đặng Minh T1 và bà Nguyễn Thị Thúy H.***

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 11 năm 2022 và trong quá trình giải quyết đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Diệp Thị Mỹ T trình bày:*

Ngày 23/01/2017, ông Đặng Minh T1 đã ký hợp đồng tín dụng số 15/012017.27/HĐTD với Ngân hàng N - Chi nhánh N1 (Nay là Ngân hàng N – Chi nhánh C) (gọi tắt là Ngân hàng) vay số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) mục đích để sửa nhà. Thời hạn vay là 60 tháng. Lãi suất: 10%/năm. Phía ông T1 đã thanh toán nợ gốc được 65.000.000 đồng, kể từ ngày 03/12/2020 bên vay đã để phát sinh nợ lãi, gốc quá hạn và kéo dài tình trạng đến thời điểm hiện nay.

- Đối với hợp đồng tín dụng số 03/122017.27/HĐTD ngày 12/12/2017 ông Đặng Minh T1 và bà Nguyễn Thị Thúy H vay của Ngân hàng N – Chi nhánh C II số tiền 3.500.000.000 đồng. Thời gian vay là 60 tháng, lãi suất 10,5%/năm. Phía bị đơn đã thanh toán nợ gốc được 200.000.000 đồng, kể từ ngày 06/05/2020 bên vay đã để phát sinh nợ lãi, gốc quá hạn và kéo dài tình trạng đến thời điểm hiện nay.

- Để đảm bảo cho khoản vay phía ông T1 và bà H có thể chấp các tài sản gồm: Quyền sử dụng đất diện tích 2.138,1m² bao gồm 300m² đất ở và 1.838,1m² đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa đất số 82, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BG 698330; số vào sổ cấp giấy: CH05634 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho ông Nguyễn Văn O và bà Trần Thị Diệu P ngày 18/10/2011, chính lý sang tên ông Đặng Minh T1 ngày 06/12/2017 và quyền sử dụng đất diện tích 738,6m² bao gồm 300m² đất ở và 438,6 m² đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa đất số 145, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BE 356241; số vào sổ cấp GCN: CH03182 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho ông

Nguyễn Văn O và bà Trần Thị Diệu P ngày 22/02/2012, chính lý sang tên ông Đặng Minh T1 ngày 06/12/2017.

Do ông T1 và bà H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, vì vậy Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc bị đơn là ông Đặng Minh T1 và bà Nguyễn Thị Thúy H phải trả cho Ngân hàng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật gồm có: tiền nợ gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn theo lãi suất thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng cho đến khi trả dứt nợ. Cụ thể:

+ Hợp đồng tín dụng số 15/012017.27/HĐTD ngày 23/01/2017. Số tiền phải trả (tạm tính đến ngày 10/5/2023) là: 181.020.136 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 135.000.000 đồng; Tổng nợ lãi là 46.020.136 đồng (lãi trong hạn: 35.006.917 đồng, lãi quá hạn: 11.013.219 đồng).

+ Hợp đồng tín dụng số 03/122017.27/HĐTD ngày 12/12/2017. Số tiền phải trả (tạm tính đến ngày 10/5/2023) là: 4.494.408.083 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 3.300.000.000 đồng; Tổng nợ lãi là 1.194.408.083 đồng (lãi trong hạn: 1.081.179.453 đồng; lãi quá hạn: 113.228.630 đồng)

2. Trong trường hợp ông Đặng Minh T1 và bà Nguyễn Thị Thúy H không trả được nợ ngay sau khi Bản án, Quyết định của Tòa án có hiệu lực thì Ngân hàng được phát mãi tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay theo Hợp đồng thế chấp số 03/122017.27 ký ngày 12/12/2017 do ông Đặng Minh T1 và bà Nguyễn Thị Thúy H để thu hồi nợ.

3. Trong trường hợp số tiền phát mãi tài sản không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi trong hạn và lãi phạt quá hạn phát sinh thì đề nghị Tòa án cho phép Ngân hàng được tiếp tục phát mãi các tài sản khác của ông Đặng Minh T1 và bà Nguyễn Thị Thúy H cho đến khi trả hết nợ.

4. Buộc ông Đặng Minh T1 và bà Nguyễn Thị Thúy H phải chịu toàn bộ các khoản phí, án phí và lệ phí (bao gồm cả phí thi hành án) phát sinh liên quan đến việc giải quyết tranh chấp.

** Bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn vắng mặt nên không rõ ý kiến.*

** Đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Nguyễn Duy T5 trình bày: Ông O và bà Phước đồng ý trả nợ thay cho ông T1 và bà H đối với số tiền còn nợ theo các hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng N – Chi nhánh C. Đồng thời, ông O và bà Phước đề nghị phía Ngân hàng tiến hành giải chấp sau khi*

nhận đủ tiền gốc và lãi. Sau khi ông P và bà O trả nợ cho Ngân hàng đề nghị được quyền đứng tên sở hữu và sử dụng đối với phần tài sản thế chấp nêu trên.

Tòa án không hòa giải được nên đưa ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 122/2023/DSST ngày 03 tháng 7 năm 2023, Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều đã tuyên xử như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N.

- Buộc bị đơn ông Đặng Minh T1 và bà Nguyễn Thị Thúy H trả cho nguyên đơn tổng số tiền tạm tính đến 02/7/2023:

+ Hợp đồng tín dụng số 15/012017.27/HĐTD ngày 23/01/2017. Số tiền phải trả là: 184.890.753 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 135.000.000 đồng; Tổng nợ lãi là 49.890.753 đồng (Lãi trong hạn: 37.603.356 đồng, lãi quá hạn: 12.287.397 đồng).

+ Hợp đồng tín dụng số 03/122017.27/HĐTD ngày 12/12/2017. Số tiền phải trả là: 4.589.023.152 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 3.300.000.000 đồng; Tổng nợ lãi là 1.289.023.152 đồng (Lãi trong hạn: 1.144.647.946 đồng, lãi quá hạn: 144.375.206 đồng)

- Bị đơn còn phải tiếp tục trả lãi cho nguyên đơn kể từ ngày 03/7/2023 theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán hết nợ.

- Trong trường hợp bị đơn không thanh toán hoặc thanh toán không hết nợ thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất: Diện tích 2.138,1m² bao gồm 300m² đất ở và 1.838,1m² đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa đất số: 82, tờ bản đồ: 10, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BG 698330; số vào sổ cấp giấy: CH05634; do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho ông Nguyễn Văn O và bà Trần Thị Diệu P ngày 18/10/2011, chính lý sang tên ông Đặng Minh T1 ngày 06/12/2017 và quyền sử dụng đất: Diện tích 738,6m² bao gồm 300m² đất ở và 438,6 m² đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa đất số 145, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BE 356241; số vào sổ cấp GCN: CH03182; do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho ông Nguyễn Văn O và bà Trần Thị Diệu P ngày 22/02/2012, chính lý sang tên ông Đặng Minh T1 ngày 06/12/2017 để thu hồi nợ cho hợp đồng tín dụng số 03/122017.27/HĐTD ngày 12/12/2017.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các bên theo luật định.

Không đồng ý với Bản án sơ thẩm, ngày 24/7/2023, Các bị đơn có đơn kháng cáo yêu cầu xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị hủy án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Đại diện bị đơn: Thay đổi một phần kháng cáo đề nghị sửa án sơ thẩm, đề nghị Ngân hàng giảm lãi vì ông T1 bà H gặp nhiều khó khăn sau đại dịch Covid nên xin Ngân hàng xem xét hoàn cảnh của các bị đơn.

Đại diện của nguyên đơn xác định: Ngân hàng không đồng ý việc yêu cầu xin giảm lãi của các bị đơn. Tuy nhiên, đối với việc xin giảm lãi Ngân hàng đề nghị bị đơn làm các thủ tục và đơn xin miễn giảm để trình Hội sở thông qua Hội đồng xem xét miễn giảm, việc này chỉ ghi nhận thiện chí phối hợp cho bị đơn và quy trình tuân thủ tại giai đoạn thi hành án nếu đủ điều kiện sẽ xem xét sau này.

**** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ:***

Về thực hiện pháp luật: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý đến khi xét xử theo trình tự phúc thẩm. Các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự đối với người tham gia tố tụng. Đơn và thời hạn nộp tạm ứng kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định nên được xem là hợp lệ về mặt hình thức.

Về nội dung kháng cáo: Qua phần trình bày của các bên và các tài liệu chứng cứ thể hiện: Thấy rằng: Về nội dung, căn cứ theo hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết, nên phía Ngân hàng yêu cầu bị đơn thanh toán nợ lãi, lãi trong hạn và lãi phạt quá hạn là phù hợp. Tuy nhiên, đối với yêu cầu của phía bị đơn xin miễn số tiền lãi phạt, nhưng phía nguyên đơn không thống nhất nên không có cơ sở xem xét.

Do vậy: Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Đề nghị: áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Giữ y bản án sơ thẩm. Có ghi nhận thêm trong nội dung bản án tuyên đối với việc xin giảm lãi Ngân hàng đề nghị bị đơn làm các thủ tục và đơn xin miễn giảm để trình Hội sở thông qua Hội đồng xem xét miễn giảm và quy trình tuân thủ tại giai đoạn thi hành án nếu đủ điều kiện sẽ xem xét sau này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn

diện ý kiến của Kiểm sát viên; ý kiến của những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật:* Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn cùng với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện thể hiện giữa nguyên đơn và bị đơn có ký hợp đồng tín dụng. Quá trình thực hiện giao dịch, bị đơn không thực hiện theo đúng thỏa thuận nên Ngân hàng có đơn khởi kiện nên xác định đây là quan hệ “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại quận N nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 như án sơ thẩm xác định là phù hợp.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Các bị đơn đã được nộp tạm ứng trong hạn luật định nên được xem xét về mặt hình thức. Về nội dung để xét kháng cáo cần thiết đánh giá với tổng thể các chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện, lời khai của các đương sự và các chứng cứ khác.

[3] Ngân hàng khởi kiện yêu cầu thanh toán số gốc và nợ lãi là có căn cứ và cần được pháp luật bảo vệ. Về xử lý tài sản đảm bảo các bên không đặt ra kháng cáo nên bản án không phân tích đề cập đến nội dung này. Vấn đề liên quan đến số tiền lãi mà bên kháng cáo đặt ra sẽ được đánh giá phân tích.

[4] *Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn:*

[4.1] Quá trình vay vốn, bị đơn đã thanh toán xong số nợ gốc, nhưng không thanh toán số nợ lãi như giao kết. Tạm tính đến ngày 02/7/2023 dư nợ theo:

+ Hợp đồng tín dụng số 15/012017.27/HĐTD ngày 23/01/2017. Số tiền phải trả là: 184.890.753 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 135.000.000 đồng; Tổng nợ lãi là 49.890.753 đồng (Lãi trong hạn: 37.603.356 đồng, lãi quá hạn: 12.287.397 đồng).

+ Hợp đồng tín dụng số 03/122017.27/HĐTD ngày 12/12/2017. Số tiền phải trả là: 4.589.023.152 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 3.300.000.000 đồng; Tổng nợ lãi là 1.289.023.152 đồng (Lãi trong hạn: 1.144.647.946 đồng; lãi quá hạn: 144.375.206 đồng). Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ là có cơ sở chấp nhận.

[4.2] Phía các bị đơn có người đại diện xin miễn số tiền lãi nhưng không được phía nguyên đơn đồng ý, nên không có cơ sở xem xét. Tại giai đoạn phúc thẩm bị đơn cũng không đưa ra được chứng cứ mới cho yêu cầu kháng cáo nên không có căn cứ để chấp nhận.

[4.3] Tuy nhiên, đối với việc xin giảm lãi Ngân hàng đề nghị bị đơn làm các thủ tục và đơn xin miễn giảm để trình Hội sở thông qua Hội đồng xem xét miễn giảm, việc này chỉ ghi nhận thiện chí phối hợp của các bên và quy trình tuân thủ tại giai đoạn thi hành án nếu đủ điều kiện sẽ xem xét sau này. Ý kiến này Tòa án ghi nhận trong bản án để các bên thấy được những bước tiếp theo sẽ thực hiện để đảm bảo quy trình xem xét khi đủ điều kiện.

[5] Như đã phân tích, bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở. Do đó, yêu cầu kháng cáo của bị đơn không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Các phần khác của bản án do không có kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra để xem xét.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí.

[7] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn. Giữ Y bản án sơ thẩm; ghi nhận sự thỏa thuận của các bên về việc nguyên đơn hỗ trợ cho bị đơn xin miễn, giảm lãi trong giai đoạn thi hành án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N.

- Buộc bị đơn ông Đặng Minh T1 và bà Nguyễn Thị Thúy H trả cho nguyên đơn tổng số tiền tạm tính đến 02/7/2023:

+ Hợp đồng tín dụng số 15/012017.27/HĐTD ngày 23/01/2017. Số tiền phải trả là: 184.890.753 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 135.000.000 đồng; Tổng nợ lãi là 49.890.753 đồng (Lãi trong hạn: 37.603.356 đồng, lãi quá hạn: 12.287.397 đồng).

+ Hợp đồng tín dụng số 03/122017.27/HĐTD ngày 12/12/2017. Số tiền phải trả là: 4.589.023.152 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 3.300.000.000 đồng; Tổng nợ lãi là 1.289.023.152 đồng (Lãi trong hạn: 1.144.647.946 đồng, lãi quá hạn: 144.375.206 đồng)

- Bị đơn còn phải tiếp tục trả lãi cho nguyên đơn kể từ ngày 03/7/2023 theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán hết nợ.

Trong trường hợp bị đơn không thanh toán hoặc thanh toán không hết nợ thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất: Diện tích 2.138,1m² bao gồm 300m² đất ở và 1.838,1m² đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa đất số: 82, tờ bản đồ: 10, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BG 698330; số vào sổ cấp giấy: CH05634; do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho ông Nguyễn Văn O và bà Trần Thị Diệu P ngày 18/10/2011, chính lý sang tên ông Đặng Minh T1 ngày 06/12/2017 và quyền sử dụng đất: Diện tích 738,6m² bao gồm 300m² đất ở và 438,6 m² đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa đất số 145, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BE 356241; số vào sổ cấp GCN: CH03182; do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho ông Nguyễn Văn O và bà Trần Thị Diệu P ngày 22/02/2012, chính lý sang tên ông Đặng Minh T1 ngày 06/12/2017 để thu hồi nợ cho hợp đồng tín dụng số 03/122017.27/HĐTD ngày 12/12/2017.

Ghi nhận việc các bên thỏa thuận như sau: Ngân hàng đề nghị bị đơn làm các thủ tục và đơn xin miễn, giảm lãi để trình Hội sở thông qua Hội đồng xem xét miễn giảm và quy trình tuân thủ tại giai đoạn thi hành án nếu đủ điều kiện sẽ xem xét sau này.

2. Về chi phí thẩm định tại chỗ: Bị đơn có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

3. *Án phí dân sự sơ thẩm*: Bị đơn phải chịu 112.773.000 đồng (Một trăm mười hai triệu, bảy trăm bảy mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn được nhận lại 56.175.000 đồng (Năm mươi sáu triệu, một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000316 ngày 14/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

4. *Án phí dân sự phúc thẩm*: Ông Đặng Minh T1 và bà Nguyễn Thị Thúy H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm đồng). Chuyển tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001383 ngày 24/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ thành án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (ngày 26/12/2023).

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

tự thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TPCT;
- TAND Q. Ninh Kiều.
- Cục THADS Q. Ninh Kiều;
- Lưu (2b).

(Đã ký)

Lê Thị Minh Trang